

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 186/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1974;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh C, bà B đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Hoàng Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang C đăng ký kết hôn ngày 14/11/2018, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước đó, chị và anh C đều đã kết hôn và có con riêng. Sau đó, cả hai đều đã ly hôn và kết hôn với nhau. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh C thường hay uống rượu say và chửi bới, xúc phạm chị; có lần còn đánh chị. Ngoài ra, anh C cũng không có trách nhiệm với gia đình. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không chịu thay đổi. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 12/2020, chị không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư H, phường C ở. Anh C vẫn tiếp tục uống rượu say và có lời lẽ chửi bới, xúc phạm chị qua điện thoại. Do vậy, chị không quay về và vẫn tiếp tục sống tại nhà bố mẹ chị đồng thời chặn số điện thoại liên lạc với anh C. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không thể đoàn tụ được, do vậy, chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh C. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2021, anh Nguyễn Quang C trình bày thống nhất các nội dung chị H đã trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh xác định: Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại khu dân cư L, phường C, thành phố C. Sau đó một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H luôn cho rằng anh không quan tâm đến gia đình. Khoảng tháng 12/2020, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư H, phường C ở. Anh nhiều lần đến động viên chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Sau đó, chị H chặn số điện thoại không cho anh liên lạc và cương quyết đòi ly hôn. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ vì cả hai đều đã ly hôn 1 lần nên anh không muốn ly hôn thêm một lần nữa. Về con chung: Không có. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C cũng xác định do anh không muốn ly hôn chị H nên anh không đến tòa án theo giấy báo, giấy triệu tập của tòa án.

- Bà Đoàn Thị B - mẹ đẻ chị H trình bày xác định: Vợ chồng chị H, anh C kết hôn năm 2018, sau đó về chung sống tại khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống, có lần bà thấy chị H chân tay bị thâm tím, bà hỏi nhưng chị H không nói. Sau này, chị H mới nói cho bà biết là bị anh C đánh. Cuối năm 2020, chị H bỏ về nhà bà ở. Sau đó, anh C có vào nói chuyện xin lỗi chị H và gia đình bà. Gia đình bà đã khuyên bảo chị H tiếp tục về chung sống với anh C nhưng chị H cương quyết không chịu quay về. Sau đó, bà thấy anh C thường hay uống rượu và gọi điện mắng chửi, đe dọa, xúc phạm chị H. Chị H sau đó đã chặn số điện thoại và không liên lạc với anh C nữa. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh C, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quan điểm của chị H.

- Tại biên bản xác minh ngày 07/9/2021, Trưởng khu dân cư L, phường C xác định: Sau khi kết hôn, chị H, anh C chung sống tại khu dân cư L, phường C. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn cụ thể thế nào khu dân cư không nắm được; chỉ biết

là từ cuối năm 2020, vợ chồng không chung sống cùng nhau. Nay chị H xin ly hôn anh C, quan điểm của khu dân cư là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Chị H, anh C không có con chung.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh C đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thu H được ly hôn anh Nguyễn Quang C. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng là bà Đoàn Thị B vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Quang C cư trú tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Hoàng Thu H khởi kiện xin ly hôn anh C. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thu H và anh Nguyễn Quang C kết hôn với nhau ngày 14/11/2018 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, trong cách ứng xử, sinh hoạt trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xúc phạm và xô xát. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh C không sống

chung, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù, anh C không muốn ly hôn, nhưng tòa án báo anh C nhiều lần đến tòa án nhưng anh C không đến, thể hiện sự bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh C.

[4] Về con chung: Chị H và anh C không có con chung, do vậy không đặt ra việc xem xét, giải quyết về con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thu H được ly hôn anh Nguyễn Quang C.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0002980 ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường H (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang

